

Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế tại TP. Cần Thơ

ĐINH CÔNG HIỂN*
PHAN NGỌC BẢO ANH**
HUỲNH THỊ CẨM THƠ***

Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thuộc khối ngành kinh tế trên địa bàn TP. Cần Thơ. Thông qua phương pháp phân tích định lượng, nghiên cứu xác định được 7 nhân tố ảnh hưởng bao gồm: Giáo dục khởi nghiệp; Kinh nghiệm cá nhân; Chuẩn chủ quan; Thái độ cá nhân; Nhận thức kiểm soát hành vi; Nguồn vốn và Chính sách của Chính phủ. Trong đó, Kinh nghiệm cá nhân và Nguồn vốn là 2 nhân tố có ảnh hưởng mạnh nhất. Dựa trên các kết quả phân tích, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý quản trị phù hợp nhằm nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên thuộc khối ngành kinh tế nói riêng, cũng như sinh viên các khối ngành khác nói chung trên địa bàn TP. Cần Thơ.

Từ khóa: ý định khởi nghiệp, sinh viên, TP. Cần Thơ

Summary

This study aims to find out the factors that affect the intention to start a business of students majoring in economics in Can Tho city. Through quantitative analysis method, the study identified 7 influencing factors including: Entrepreneurship education; Personal experience; Subjective norms; Personal attitude; Perceived behavioral control; Capital sources and Government policies. In particular, Personal Experience and Capital are the two most influential factors. Based on the analysis results, the study proposes a number of appropriate management implications to improve the startup intention of students major in economics in particular and students in other majors in general in the Can Tho city.

Keywords: startup intention, students, Can Tho city

GIỚI THIỆU

Khởi nghiệp là một trong những giải pháp quan trọng góp phần tạo động lực cho nền kinh tế phát triển và giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động (Sharma và Madan, 2014). Tại Việt Nam, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách nhằm khuyến khích thanh niên khởi nghiệp, nổi bật là Đề án Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 nhằm hỗ trợ và thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp trong học sinh, sinh viên. Trong xu thế chung, UBND TP. Cần Thơ cũng đã ban hành Kế hoạch số 135 về việc hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo TP. Cần Thơ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Các chính sách này không chỉ tạo tiền đề, mà còn là động lực để thúc đẩy và triển khai các hoạt động khởi nghiệp, đặc biệt là khởi nghiệp trong sinh viên; trong đó, sinh viên các ngành kinh tế có lợi thế khi khởi nghiệp, vì họ được tiếp cận những kiến thức

và kỹ năng quản lý doanh nghiệp theo hướng toàn diện trong nhà trường. Do đó, ý định khởi nghiệp của sinh viên ngành này thường có phần tích cực hơn so với các ngành khác (Alain và cộng sự, 2006). Vì vậy, nhóm tác giả chọn đề tài này để thực hiện nghiên cứu nhằm góp phần đưa ra các giải pháp tạo động lực khuyến khích sinh viên khởi nghiệp.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Theo Nga và Shamuganathan (2010), khởi nghiệp là quá trình cá nhân tìm kiếm và khai thác các cơ hội kinh tế mới thông qua việc sáng tạo ra các ý tưởng hay các sáng kiến độc đáo trong một môi

* ThS., ** ThS., *** ThS., Trường Đại học Tây Đô | Email: dchien@tdu.edu.vn
Ngày nhận bài: 8/11/2023; Ngày phản biện: 25/11/2023; Ngày duyệt đăng: 18/12/2023

trường không chắc chắn và thiếu thốn nguồn lực vật chất. Schwarz và cộng sự (2009) cho rằng, sinh viên có ý định khởi nghiệp khi họ có những ý tưởng sáng tạo và được hỗ trợ bởi chương trình giáo dục và những người đào tạo. Ý định khởi nghiệp trong nghiên cứu này được hiểu là ý định tạo ra điều gì đó mới mẻ và có giá trị, bằng cách dành thời gian và nỗ lực cần thiết, đồng thời, chấp nhận các rủi ro về mặt tài chính, tinh thần, xã hội để sau cùng, nhận được các phần thưởng về mặt tiền bạc, sự hài lòng cá nhân và sự tự do (Hisrich và Peters, 2002).

Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi khởi nghiệp của sinh viên có thể được tiếp cận thông qua mô hình lý thuyết hành vi dự định (Theory of planned behavior - TPB) của Ajzen (1991). Lý thuyết này cho rằng, có 3 thành phần quan trọng, cụ thể là: (1) Thái độ của cá nhân đối với việc khởi nghiệp; (2) Chuẩn chủ quan của xã hội về việc khởi nghiệp và (3) Nhận thức về khả năng khởi nghiệp thành công cùng hình thành Ý định hành vi khởi nghiệp của một cá nhân.

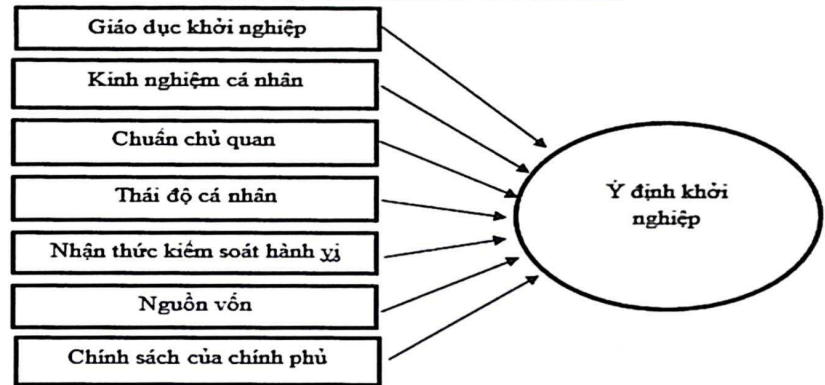
Mô hình nghiên cứu

Nhận thấy các ưu điểm của mô hình lý thuyết hành vi dự định TPB của Ajzen (1991) trong việc lý giải Ý định khởi nghiệp, nhóm tác giả quyết định xây dựng mô hình nghiên cứu dựa trên mô hình TPB, đồng thời bổ sung thêm các biến độc lập gồm: Giáo dục khởi nghiệp; Kinh nghiệm cá nhân; Nguồn vốn và Chính sách của Chính phủ để làm tăng khả năng giải thích ý định khởi nghiệp của sinh viên (Hình).

Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, kết hợp giữa nghiên cứu định tính và định lượng. Các kỹ thuật phân tích được sử dụng, như: phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA). Đối với nghiên cứu định tính, nhóm tác giả sử dụng kỹ thuật thảo luận nhóm tập trung. Các đối tượng tham gia thảo luận nhóm gồm: sinh viên năm cuối khối ngành kinh tế, giảng viên khối ngành kinh tế tại các trường đại học ở TP. Cần Thơ (thảo luận theo nhóm) và cựu sinh viên đã thành công trong khởi nghiệp (thảo luận theo cặp), nhằm hiệu chỉnh thang đo và mô hình nghiên cứu. Nghiên cứu định lượng được thực hiện từ tháng 6-8/2023 thông qua điều tra khảo sát bằng bảng câu hỏi gửi đến sinh viên khối ngành kinh tế

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

BẢNG 1: THÔNG TIN MẪU NGHIÊN CỨU

STT	Trường Đào tạo	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ (%)
1	Trường Đại học Cần Thơ	45	20,5
2	Trường Đại học Tây Đô	45	20,5
3	Trường Đại học Nam Cần Thơ	45	20,5
4	Trường Đại học FPT Cần Thơ	45	20,5
5	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	40	18,0
	Tổng	220	100

BẢNG 2: BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CRONBACH'S ALPHA VÀ BIẾN QUAN SÁT

STT	Nhân tố	Số biến đo lường	Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến - tổng thấp nhất
1	Thái độ cá nhân	3	0,859	0,674
2	Chuẩn chủ quan	3	0,842	0,692
3	Nhận thức kiểm soát hành vi	4	0,871	0,666
4	Giáo dục khởi nghiệp	5	0,911	0,745
5	Nguồn vốn	4	0,900	0,742
6	Kinh nghiệm cá nhân	3	0,837	0,643
7	Chính sách của Chính phủ	4	0,927	0,786
8	Ý định khởi nghiệp	4	0,874	0,696

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát

đang học tại các trường đại học trên địa bàn TP. Cần Thơ. Mẫu được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện với cỡ mẫu nghiên cứu là 220 quan sát. Cơ cấu mẫu nghiên cứu được thể hiện ở Bảng 1.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả kiểm định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha

Kết quả phân tích cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo đều > 0,6. Tất cả các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến - tổng > 0,3; đồng thời, hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến đều nhỏ hơn hệ số Cronbach's Alpha của nhóm (Bảng 2). Như vậy, các biến quan sát đều đạt yêu cầu và đưa vào phân tích EFA.

Kết quả phân tích EFA

Kết quả phân tích EFA với các kiểm định được đảm bảo. Hệ số KMO = 0,858 ($0,5 < KMO = 0,858 < 1$), giá trị Sig. của kiểm định Barlett = $0,000 < 0,05$ chứng tỏ, phân tích EFA là phù hợp (Bảng 3). Theo tiêu chuẩn Eigenvalue > 1, thì có 7 nhân tố được trích

BẢNG 3: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH EFA CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG

Biến quan sát	Nhân tố						
	Giáo dục khởi nghiệp	Chính sách của Chính phủ	Nguồn vốn	Nhận thức kiểm soát hành vi	Thái độ cá nhân	Kinh nghiệm cá nhân	Chuẩn chủ quan
GD44	0,856						
GD42	0,850						
GD41	0,821						
GD43	0,819						
GD45	0,812						
CS74		0,905					
CS72		0,884					
CS71		0,816					
CS73		0,788					
NL53			0,874				
NL54			0,859				
NL52			0,857				
NL51			0,833				
HV31				0,840			
HV33				0,816			
HV34				0,799			
HV32				0,763			
TD11					0,854		
TD13					0,853		
TD12					0,800		
KN63						0,876	
KN62						0,851	
KN61						0,788	
NT23							0,794
NT21							0,763
NT22							0,753
Hệ số KMO = 0,858							
Giá trị kiểm định Bartlett = 3822,433; Giá trị Sig. của Bartlett = 0,000							
Tổng phương sai trích từ 7 nhân tố = 77,501							

BẢNG 4: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NHÂN TỐ CỦA THANG ĐO Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP

Biến quan sát	Nhân tố 1
YDKN1	0,723
YDKN2	0,736
YDKN4	0,686
YDKN3	0,757
Hệ số KMO = 0,835	
Kiểm định Bartlett = 427,956	
Giá trị Sig. Bartlett = 0,000	
Giá trị Eigenvalue = 2,902	
Tổng phương sai trích = 72,550	

BẢNG 5: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỒI QUY

Tên biến	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa Beta	Kiểm định t	Giá trị Sig.	Hệ số phóng đại phương sai VIF
	B	Sai số chuẩn				
Hằng số	-2,184	0,250		-8,736	0,000	
Thái độ cá nhân	0,190	0,039	0,162	4,875	0,000	1,084
Chuẩn chủ quan	0,133	0,038	0,140	3,518	0,001	1,541
Nhận thức kiểm soát hành vi	0,118	0,035	0,112	3,386	0,001	1,076
Giáo dục khởi nghiệp	0,260	0,032	0,274	8,163	0,000	1,106
Nguồn vốn	0,314	0,029	0,346	10,725	0,000	1,017
Kinh nghiệm cá nhân	0,342	0,030	0,379	11,413	0,000	1,081
Chính sách của Chính phủ	0,293	0,040	0,276	7,260	0,000	1,418
Giá trị kiểm định F = 109,281						
Giá trị Sig. F của mô hình = 0,000						
Hệ số xác định R ² = 0,782						
Hệ số xác định R ² hiệu chỉnh = 0,775						
Hệ số Durbin - Watson = 1,755						

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát

ra, tổng phương sai trích cộng dồn là 77,501% (> 50%) và 7 nhân tố này có đóng góp giải thích được 77,501% biến thiên của dữ liệu. Hệ số tải nhân tố của các biến quan

sát đều > 0,5, nên đạt yêu cầu của phân tích EFA.

Tương tự, 4 biến quan sát của thang đo Ý định khởi nghiệp được đưa vào phân tích EFA. Kết quả phân tích ở Bảng 4 cho thấy, hệ số KMO là 0,835 > 0,5, giá trị Sig. của kiểm định Bartlett là 0,000 < 0,05, nên các biến quan sát có mối quan hệ với nhau trên tổng thể. Theo tiêu chuẩn Eigenvalues > 1, thì có 1 nhóm nhân tố được rút ra, tổng phương sai trích là 72,55% (> 50%), giải thích được 72,55% biến thiên của dữ liệu. Như vậy, các biến đo lường được tiếp tục đưa vào phân tích hồi quy đa biến.

Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế

Kết quả phân tích hồi quy tại Bảng 5 cho thấy, hệ số xác định R² = 0,782, có nghĩa là 78,2% dự biến thiên của Ý định khởi nghiệp của sinh viên có thể được giải thích bởi các biến độc lập đưa vào mô hình, còn lại là do sai số ngẫu nhiên hoặc các nhân tố khác chưa được đưa vào mô hình. Giá trị kiểm định F là 109,281 và Sig.F = 0,000 < 5%, nên mô hình có ý nghĩa thống kê. Hệ số Durbin - Watson của mô hình là 1,755, chứng tỏ không có hiện tượng tự tương quan (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Bên cạnh đó, hệ số phóng đại phương sai của các biến đều < 2, nên có thể kết luận, các biến đưa vào mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Kết quả phân tích hồi quy cho thấy, tất cả 7 biến độc lập đưa vào mô hình đều có ý nghĩa thống kê (Sig. < 5%) và có ảnh hưởng tích cực đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên thuộc khối ngành kinh tế trên địa bàn TP. Cần Thơ. Trong đó, Kinh nghiệm cá nhân là nhân tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên, thứ tự ảnh hưởng tiếp theo là Nguồn vốn; Nhận thức kiểm soát hành vi; Chính sách của Chính phủ; Thái độ cá nhân; Chuẩn chủ quan và Giáo dục khởi nghiệp.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý QUẢN TRỊ

Kết luận

Dựa vào số liệu khảo sát 220 sinh viên khối ngành kinh tế đang học tại các trường đại học trên địa bàn TP. Cần Thơ, kết quả nghiên cứu cho thấy, tất cả 7 biến độc lập đều có ảnh hưởng tích cực đến Ý định khởi nghiệp của sinh

viên thuộc khối ngành kinh tế với mức ý nghĩa thống kê cao. Kết quả phân tích là cơ sở để nhóm tác giả đề xuất các hàm ý quản trị phù hợp, nhằm nâng cao Ý định khởi nghiệp của sinh viên thuộc khối ngành kinh tế trên địa bàn TP. Cần Thơ.

Hàm ý quản trị

Kinh nghiệm cá nhân: Đây là nhân tố có tác động lớn nhất đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế. Sinh viên cần tham gia các hoạt động kinh doanh thực tiễn hay các chương trình thực tập tại các doanh nghiệp sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về con đường khởi nghiệp mà mình lựa chọn.

Nguồn vốn: Vốn đầu tư là một rào cản lớn cho sinh viên muốn khởi nghiệp, do đó có tác động lớn thứ hai tới Ý định khởi nghiệp của sinh viên. Sinh viên cần được huấn luyện, đào tạo về cách khai thác, huy động và tích lũy các nguồn lực, trong đó có vốn. Nhà trường cần kết nối sinh viên với các tổ chức, đơn vị hỗ trợ và đầu tư khởi nghiệp, để giúp họ có nguồn vốn để bắt đầu kinh doanh.

Chính sách của Chính phủ: Đây là nhân tố tác động lớn thứ ba đến Ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế. Do đó, để tạo điều kiện cho sinh viên khởi nghiệp, Chính phủ và TP. Cần Thơ cần thúc đẩy việc tạo môi trường ủng hộ; nhanh chóng cập nhật các ngành nghề mới, chưa có trong quy định của Chính phủ, và xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp theo từng ngành, từng lĩnh vực. Sinh viên cũng cần được hướng dẫn khởi nghiệp theo lĩnh vực mà họ quan tâm. Sinh viên khởi nghiệp cần được hưởng

lợi từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp và các vườn ươm khởi nghiệp, cũng như các chính sách ưu đãi và hỗ trợ từ Nhà nước. Cần tạo điều kiện để sinh viên khởi nghiệp có thể vay vốn với lãi suất thấp; được miễn hoặc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong những năm đầu tiên; được tham gia các chương trình dự án kinh doanh cho sinh viên khởi nghiệp.

Giáo dục khởi nghiệp: Nhà trường cần nhấn mạnh vai trò của khởi nghiệp trong chương trình giảng dạy chính khóa cho sinh viên. Sinh viên cần được học về tầm quan trọng của khởi nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp, cách thu hút các nguồn lực... Các bài học cần kết hợp lý thuyết và thực hành để sinh viên có thể trải nghiệm và hình thành động lực, niềm tin và đam mê khởi nghiệp.

Thái độ cá nhân với hành vi khởi nghiệp: Sinh viên cần có thái độ tích cực với việc sáng lập doanh nghiệp. Bên cạnh truyền tải những kiến thức và kỹ năng chuyên môn, Nhà trường cần hỗ trợ sinh viên bằng cách tăng cường các hoạt động của các Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp các cấp. Nhà trường cũng cần giúp sinh viên hình thành “tư duy làm chủ” và khơi gợi niềm đam mê kinh doanh bằng cách giới thiệu các tấm gương và mô hình khởi nghiệp thành công trong nước và quốc tế.

Nhận thức kiểm soát hành vi: Sinh viên cần có tư duy độc lập, dám nghĩ, dám làm và xem việc khởi nghiệp như một cơ hội học hỏi và trải nghiệm trong xã hội. Nhà trường có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sinh viên có những kinh nghiệm thực tế, nâng cao nhận thức và cảm nhận về việc làm chủ doanh nghiệp trong tương lai.

Chuẩn chủ quan: Để tăng cường sự tự tin khởi nghiệp cho sinh viên, cần có sự đồng thuận và khuyến khích từ gia đình và xã hội. Vì vậy, các cơ quan quản lý cần tiếp tục thực hiện các hoạt động tuyên truyền và nâng cao nhận thức về nghề nghiệp doanh nhân thông qua các kênh truyền thông, báo chí, quảng cáo, để gây dựng niềm đam mê kinh doanh cho không chỉ sinh viên mà cả xã hội. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ajzen, I. (1991), *The theory of planned behavior*, Organizational Behavior and Human Decision Processes, 50(2), 179-211.
2. Alain, F., Benoît, G., and Narjisse, L. C. (2006), Assessing the impact of entrepreneurship education programmes: a new methodology, *Journal of European Industrial Training*, 30(9), 701-720.
3. Hisrich, R. D., and Drovensek, M. (2002), Entrepreneurship and small business research: A European perspective, *Journal of Small Business and Enterprise Development*, 9(2), 171-222.
4. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Hồng Đức.
5. Nga, J. K. H., and Shamuganathan, G. (2010), The influence of personality traits and demographic factors on social entrepreneurship start up intentions, *Journal of Business Ethics*, 95(2), 259-282.
6. Sabah, S. (2016), *Entrepreneurial intention: Theory of planned behaviour and the moderation effect of start-up experience*, In M. Franco (Ed.), *Entrepreneurship-practice - Oriented perspectives*, 87-101.
7. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 1665/QĐ-TTg, ngày 30/10/2017 về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”*.
8. UBND TP. Cần Thơ (2021), *Kế hoạch số 135/KH-UBND, ngày 30/6/2021 về hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo TP. Cần Thơ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*.